

# Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

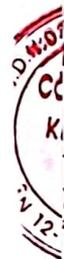
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 6
4. Bảng cân đối kế toán	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 29

\*\*\*\*\*



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 6400001087, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Công ty cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ mười hai (12) được cấp ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua, bán: sách giáo khoa, sách tham khảo, vở viết, văn phòng phẩm, thiết bị dạy và học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, băng đĩa âm nhạc,....; In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 58 Quang Trung, Tổ 2, Phường Nghĩa Tân, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam  
Điện thoại : (84) 0261.3555779  
Fax : (84) 0261.3545872  
Mã số thuế : 6 4 0 0 0 0 1 0 8 7

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Bảy	Chủ tịch	miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 09 năm 2024
Ông Lê Ngọc Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 09 năm 2024
Bà Trần Thị Thúy	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Tạo	Trưởng ban	miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 04 năm 2024
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Trưởng ban	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Thám	Thành viên	
Ông Trần Duy Thịnh	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Bảy	Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 09 năm 2024
Ông Lê Ngọc Tuấn	Giám đốc	bỏ nhiệm từ ngày 31 tháng 10 năm 2024
Bà Vũ Thị Cảnh	Kế toán trưởng	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Bảy	Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
Ông Lê Ngọc Tuấn	Giám đốc	bỏ nhiệm từ ngày 27 tháng 11 năm 2024

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh miền Trung là đơn vị kiểm toán cho Công ty.

244  
YIN  
TOÁN  
C  
30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Ngọc Tuấn

Giám đốc

Đắk Nông, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Số: 054/2024/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đák Nông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đák Nông (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- 1) Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết về việc xác nhận nợ thuộc các chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán sau đây:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 31/12/2023 (VND)	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.408.384.103	1.213.438.081	(Thuyết minh số 5)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	134.152.980	134.152.980	(Thuyết minh số 6)
Phải thu ngắn hạn khác	1.624.583.614	1.624.583.614	(Thuyết minh số 7)
Phải trả người bán ngắn hạn	4.040.120.584	3.705.081.624	(Thuyết minh số 13)

Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kế toán của Công ty, chúng tôi cũng không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp xác định tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính chính xác giá trị của các khoản nợ đã nêu.

## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- 2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một số khoản nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác đã quá hạn thanh toán và chưa thu hồi được với số tiền lần lượt là 1.213.438.081 VND (Thuyết minh số 5), 134.152.980 VND (Thuyết minh số 6) và 83.575.265 VND (Thuyết minh số 7). Chúng tôi chưa được cung cấp đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này và trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể xác định được giá trị có thể thu hồi cũng như số tiền cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ đã quá hạn nói trên.

Những vấn đề đã nêu ở mục số 1 và số 2 nêu trên, chúng tôi không có đủ cơ sở chắc chắn để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này hay không, cũng như các ảnh hưởng có liên quan đến các chỉ tiêu khác của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- 3) Như trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu trong năm 2015 từ việc thu hồi cho các khoản chi không đúng chế độ từ các cá nhân với số tiền là 714.717.271 VND liên quan đến Kết luận thanh tra số 1785/KL-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty, và ghi nhận các khoản phải thu khác về việc xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với các cá nhân theo các Quyết định của Giám đốc Công ty từ các năm trước với số dư tại ngày 31/12/2024 là 549.777.578 VND. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định các điều chỉnh cần thiết khi đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.
- 4) Như trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch thiếu sau khi thực hiện kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 3.018.500.226 VND. Tuy nhiên, cho đến ngày của báo cáo này, Công ty chưa thể xác định được nguyên nhân, thời điểm cũng như ảnh hưởng tới các nghĩa vụ có liên quan do sự thiếu hụt hàng tồn kho nêu trên. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định hoặc kiểm tra bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác đối với khả năng thu hồi của Tài sản thiếu chờ xử lý được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền là 3.018.500.226 VND, và các điều chỉnh, nếu có, đối với số dư hàng tồn kho của các năm trước.
- 5) Như trình bày tại Thuyết minh số 9, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một số hàng tồn kho bị ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ với giá trị là 3.418.074.391 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.835.797.712 VND). Công ty chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dự phòng Công ty cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và từ chối đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, do (i) khoản phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận và không nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan; (ii) khoản phải thu đã quá hạn với số tiền 1.576.914.637 VND chưa được đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; (iii) chênh lệch giá trị hàng tồn kho giữa sổ sách và biên bản kiểm kê tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch ghi nhận Tài sản thiếu chờ xử lý; (iv) hàng tồn kho khó tiêu chưa được đánh mức tổn thất và xem xét trích lập dự phòng; (v) khoản phải thu khác không thể đánh giá khả năng thu hồi và được hoàn trả cho Công ty.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

---

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



---

Trần Hoàng Hạ - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1500-2024-099-1

Quảng Nam, ngày 14 tháng 3 năm 2025



---

Lê Thị Vân Trâm - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1470-2023-099-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.439.701.021</b>	<b>19.843.183.392</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		793.146.574	844.574.249
1 Tiền	111	4	793.146.574	844.574.249
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.301.595.038	7.292.462.715
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.269.404.389	2.254.541.954
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	247.628.484	299.111.502
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.766.061.939	1.720.309.033
4 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	8	3.018.500.226	3.018.500.226
III. Hàng tồn kho	140	9	10.323.695.407	11.645.858.564
1 Hàng tồn kho	141		10.323.695.407	11.645.858.564
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.264.002	60.287.864
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.651.779	13.778.676
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	4.612.223	46.509.188
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.577.539.462</b>	<b>7.504.577.826</b>
I. Tài sản cố định	220		4.851.363.708	5.623.414.812
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.838.059.507	5.594.759.611
- Nguyên giá	222		10.627.708.143	10.705.393.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.789.648.636)	(5.110.633.708)
2 Tài sản cố định vô hình	227	11	13.304.201	28.655.201
- Nguyên giá	228		231.580.570	231.580.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.276.369)	(202.925.369)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.726.175.754	1.881.163.014
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.726.175.754	1.881.163.014
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.017.240.483</b>	<b>27.347.761.218</b>

1244  
TƯ T  
TOÁN  
C  
01

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.282.388.686</b>	<b>12.519.214.574</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.282.388.686</b>	<b>12.519.214.574</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.479.074.895	8.314.264.782
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.605.252.165	1.650.073.483
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	246.562.253	307.391.989
4 Phải trả người lao động	314		491.809.672	574.141.668
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.175.029.923	1.320.270.347
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	284.659.778	353.072.305
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.734.851.797</b>	<b>14.828.546.644</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>14.734.851.797</b>	<b>14.828.546.644</b>
1 Vốn cổ phần	411		14.475.540.000	14.475.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.475.540.000	14.475.540.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		242.446.713	195.063.886
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.865.084	157.942.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.865.084	157.942.758
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.017.240.483</b>	<b>27.347.761.218</b>

*Phạm Thị Thanh Huyền*

Phạm Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu

Đắk Nông, ngày 14 tháng 3 năm 2025

*Vũ Thị Cảnh*

Vũ Thị Cảnh  
Kế toán trưởng



Lê Ngọc Tuấn  
Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>93.766.004</b>	<b>204.720.489</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		772.051.104	778.811.549
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.163.907)	(1.218.405)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.127.866
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>864.653.201</b>	<b>983.441.499</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		32.764.642	(49.287.843)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.322.163.157	(2.422.868.852)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(2.134.759.811)	2.376.616.563
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		152.114.157	(226.678.506)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.127.866)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(110.554.470)	(21.126.187)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	17	(178.972.458)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(52.591.582)</b>	<b>638.968.808</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
<b>1 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>27</b>		<b>1.163.907</b>	<b>1.218.405</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.163.907</b>	<b>1.218.405</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1 Tiền trả nợ gốc vay	34		-		(41.249.999)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-		(41.249.999)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(51.427.675)		598.937.214	
Tiền đầu năm	60	4	844.574.249		245.637.035	
Tiền cuối năm	70	4	793.146.574		844.574.249	

*Phạm Thị Thanh Huyền*

Phạm Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu

Đắk Nông, ngày 14 tháng 3 năm 2025

*Vũ Thị Cảnh*

Vũ Thị Cảnh  
Kế toán trưởng



Lê Ngọc Tuấn  
Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 6400001087, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Công ty cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ mười hai (12) được cấp ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua, bán: sách giáo khoa, sách tham khảo, vở viết, văn phòng phẩm, thiết bị dạy và học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, băng đĩa âm nhạc, ...; In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 58 Quang Trung, Tổ 2, Phường Nghĩa Tân, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 26 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 31 người)

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**3.2. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### 3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	20-30 năm
Máy móc và thiết bị	3-10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

### 3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác
- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.9. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### 3.10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.11. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.12. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, và điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.13. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

**3.14. Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua, bán: sách giáo khoa, sách tham khảo, vở viết, văn phòng phẩm, thiết bị dạy và học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao, băng đĩa âm nhạc,...; In ấn và dịch vụ liên quan đến in chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có các bộ phận theo hoạt động kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Công ty chỉ trình bày thông tin theo bộ phận hoạt động kinh doanh.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.299.909	93.208.077
Tiền gửi ngân hàng	768.846.665	751.366.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>793.146.574</b>	<b>844.574.249</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Báo Đắk Nông	415.680.004	409.168.490
Nhà sách giáo dục Cư Jút cũ 2017	233.514.878	233.514.878
Phải thu các khách hàng khác	1.620.209.507	1.611.858.586
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>2.269.404.389</b>	<b>2.254.541.954</b>

(\*) Trong đó:

Số dư chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 là: 1.408.384.103 VND

Số dư đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là: 1.213.438.081 VND

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	102.675.504	150.959.956
Trung tâm quy hoạch xây dựng Đắk Nông	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	44.952.980	48.151.546
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>247.628.484</b>	<b>299.111.502</b>

(\*) Trong đó:

Số dư chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 là: 134.152.980 VND

Số dư đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 là: 134.152.980 VND

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	59.120.387	228.533.636
Kỳ quỹ, kỳ cược	101.965.120	-
Phải thu khác	1.604.976.432	1.491.775.397
Phải thu khác liên quan đến Kết luận thanh tra số 1785/KL-UBND ngày 17/8/2007 của UBND tỉnh (*)	714.717.271	714.717.271
<i>Phải thu Thanh tra tỉnh Đắk Nông</i>	512.867.271	512.867.271
<i>Lê Minh Hậu</i>	52.850.000	52.850.000
<i>Nguyễn Thị Hương</i>	50.000.000	50.000.000
<i>Mai Thị Sang</i>	45.000.000	45.000.000
<i>Nguyễn Mai Quang</i>	32.000.000	32.000.000
<i>Ngô Thị Nhâm</i>	22.000.000	22.000.000
Phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm cá nhân theo các quyết định của Giám đốc Công ty (**)	549.777.578	549.777.578
<i>Ngô Đình Thanh</i>	365.355.784	365.355.784
<i>Tại Danh Nghĩa</i>	49.364.461	49.364.461
<i>Tạ Thị Hợi</i>	135.057.333	135.057.333
Phải thu khác các đối tượng khác	340.481.583	227.280.548
<b>TỔNG CỘNG (***)</b>	<b>1.766.061.939</b>	<b>1.720.309.033</b>

(\*) Khoản phải thu khác được ghi nhận trong năm 2015 từ việc thu hồi cho các khoản chi không đúng chế độ (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nhập quỹ ...) từ các cá nhân với số tiền là 714.717.271 VND liên quan kết luận thanh tra số 1785/KL-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông "Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách Thiết bị Trường học Đắk Nông", giao cho Chánh Thanh tra tỉnh thu hồi số tiền trên từ các cá nhân liên quan. Với yêu cầu này, Công ty đã ghi nhận nợ phải thu và thu nhập khác vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo Văn bản số 74/TTr-PC của Thanh tra tỉnh ngày 05 tháng 02 năm 2015 cho biết các cá nhân sai phạm đã nộp trực tiếp tiền bồi hoàn là 512.867.271 VND cho Thanh tra tỉnh, và số tiền này đã được Thanh tra tỉnh nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, Công ty xác định đây là khoản phải thu lại từ Thanh tra tỉnh hoặc Ngân sách tỉnh. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết vấn đề này.

(\*\*) Khoản phải thu liên quan đến việc xử lý tài chính và quy trách nhiệm đối với các cá nhân (do không thu hồi được tiền tồn đọng, chi tạm ứng sai quy định,...) theo các Quyết định của Giám đốc Công ty từ các năm trước.

(\*\*\*) Trong đó:

Số dư chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 là: 1.624.583.614 VND

Số dư phải thu khác phát sinh từ các năm trước chưa được Công ty thu hồi, xử lý (trừ khoản (\*) và (\*\*)) tại ngày 31/12/2024 là: 83.575.265 VND

## 8. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chênh lệch giá trị hàng tồn kho (*)	-	3.017.283.566	-	3.017.283.566
Hàng thiếu chờ xử lý	-	1.216.660	-	1.216.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	-	<b>3.018.500.226</b>	-	<b>3.018.500.226</b>

(\*) Tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là giá trị hàng tồn kho thiếu do phát hiện qua đợt kiểm kê tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị trên Biên bản kiểm kê được Công ty xác định dựa trên cơ sở giá bia của từng loại hàng hóa được kiểm kê nhân với tỷ lệ chiết khấu của lần nhập hàng hóa gần nhất. Đến thời điểm này, Công ty chưa xác định nguyên nhân chênh lệch hàng tồn kho, cũng như phương án xử lý.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.245.944.801	-	792.111.806	-
Thành phẩm	5.676.053	-	1.805.194	-
Hàng hóa	9.072.074.553	-	10.851.941.564	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.323.695.407</b>	-	<b>11.645.858.564</b>	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 3.418.074.391 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.835.797.712 VND)

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	3.705.093.984	5.577.453.698	1.311.945.637	110.900.000	10.705.393.319
Thanh lý, nhượng bán	(77.685.176)	-	-	-	(77.685.176)
Số cuối năm	<u>3.627.408.808</u>	<u>5.577.453.698</u>	<u>1.311.945.637</u>	<u>110.900.000</u>	<u>10.627.708.143</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	48.271.052	33.000.000	666.540.000	110.900.000	858.711.052
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	940.214.598	3.079.132.419	980.386.691	110.900.000	5.110.633.708
Khấu hao trong năm	125.943.216	566.216.316	64.540.572	-	756.700.104
Thanh lý, nhượng bán	(77.685.176)	-	-	-	(77.685.176)
Số cuối năm	<u>988.472.638</u>	<u>3.645.348.735</u>	<u>1.044.927.263</u>	<u>110.900.000</u>	<u>5.789.648.636</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>2.764.879.386</u>	<u>2.498.321.279</u>	<u>331.558.946</u>	-	<u>5.594.759.611</u>
Số cuối năm	<u>2.638.936.170</u>	<u>1.932.104.963</u>	<u>267.018.374</u>	-	<u>4.838.059.507</u>



Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Hao mòn lũy kế</i>	<i>Giá trị còn lại</i>
<b>Phần mềm máy tính</b>			
Số đầu năm	231.580.570	202.925.369	28.655.201
Hao mòn trong năm	-	15.351.000	-
Số cuối năm	<u>231.580.570</u>	<u>218.276.369</u>	<u>13.304.201</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	185.527.570	185.527.570	-

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí Bảo hiểm	14.651.779	12.178.676
Chi phí trả trước khác	2.000.000	1.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>16.651.779</u>	<u>13.778.676</u>
		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí san lấp mặt bằng	933.899.949	976.319.697
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	252.075.536	324.045.391
Chi phí sửa chữa	540.200.269	580.797.926
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>1.726.175.754</u>	<u>1.881.163.014</u>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	939.396.326	939.396.326	939.396.326	939.396.326
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo Dục Miền Nam	1.062.408.425	1.062.408.425	3.148.270.558	3.148.270.558
Công ty CPS - TBTH Đắk Lắk	1.205.675.898	1.205.675.898	1.205.675.898	1.205.675.898
Phải trả đối tượng khác	3.271.594.246	3.271.594.246	3.020.922.000	3.020.922.000
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>6.479.074.895</b>	<b>6.479.074.895</b>	<b>8.314.264.782</b>	<b>8.314.264.782</b>

(\*) Trong đó: Số dư chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2024 là: 4.040.120.584 VND

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông	1.594.444.543	1.594.444.543
Các khoản người mua trả tiền trước khác	10.807.622	55.628.940
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.605.252.165</b>	<b>1.650.073.483</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	175.878.170	361.520.861	(388.697.047)	148.701.984
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	131.513.819	76.900.920	(110.554.470)	97.860.269
Thuế Thu nhập cá nhân	(4.828.247)	216.024	-	(4.612.223)
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(41.680.941)	521.308.351	(479.627.410)	-
Các loại thuế khác	-	7.189.540	(7.189.540)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>307.391.989</b>	<b>967.135.696</b>	<b>(986.068.467)</b>	<b>246.562.253</b>

Trong đó:

Thuế phải nộp	307.391.989	246.562.253
Thuế nộp thừa (*)	46.509.188	4.612.223

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.978.048	1.978.048
Kinh phí công đoàn	73.566.563	74.092.503
Bảo hiểm xã hội	170.946.222	172.929.700
Bảo hiểm y tế	20.332.427	21.515.780
Bảo hiểm thất nghiệp	7.462.201	7.985.142
Phải trả về cổ phần hóa	900.744.462	762.461.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	279.307.595
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.175.029.923</b>	<b>1.320.270.347</b>

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	353.072.305	236.256.572
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 18.1)	110.559.931	116.815.733
Sử dụng trong năm	(178.972.458)	-
Số cuối năm	284.659.778	353.072.305

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	14.475.540.000	145.000.000	166.879.619	14.787.419.619
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	157.942.758	157.942.758
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	50.063.886	(166.879.619)	(116.815.733)
Số cuối năm	14.475.540.000	195.063.886	157.942.758	14.828.546.644

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	14.475.540.000	195.063.886	157.942.758	14.828.546.644
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.865.084	16.865.084
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	47.382.827	(157.942.758)	(110.559.931)
Số cuối năm	14.475.540.000	242.446.713	16.865.084	14.734.851.797

(\*) Việc trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

### 18.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
UBND tỉnh Đắk Nông	13.349.540.000	92,22%	13.349.540.000	92,22%
Các cổ đông khác	1.126.000.000	7,78%	1.126.000.000	7,78%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.475.540.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>14.475.540.000</b>	<b>100%</b>

### 18.3. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.447.554	1.447.554
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.447.554	1.447.554
Cổ phiếu phổ thông	1.447.554	1.447.554
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.447.554	1.447.554
Cổ phiếu phổ thông	1.447.554	1.447.554

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>44.013.261.083</b>	<b>46.908.888.542</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	35.020.886.340	37.843.957.765
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ (hoạt động in)</i>	8.933.806.561	8.920.803.954
<i>Doanh thu khác</i>	58.568.182	144.126.823
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(3.347.801.965)</b>	<b>(4.010.893.102)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(3.342.658.216)	(4.010.568.102)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.143.749)	(325.000)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>40.665.459.118</b>	<b>42.897.995.440</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	31.673.084.375	33.833.064.663
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ (hoạt động in)</i>	8.933.806.561	8.920.803.954
<i>Doanh thu khác</i>	58.568.182	144.126.823

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.792.392.103	30.974.410.274
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (hoạt động in)	7.606.153.709	7.870.722.185
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.398.545.812</b>	<b>38.845.132.459</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.163.907	1.218.405
Chiết khấu thanh toán	207.715.513	76.792.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>208.879.420</b>	<b>78.011.081</b>

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	1.127.866
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	74.273.250	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.273.250</b>	<b>1.127.866</b>

## 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	107.452.627	481.259.845
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	35.594.600	86.395.954
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	-	3.087.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.785.141	295.947.267
Chi phí bán hàng khác	160.870.582	95.599.712
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>337.702.950</b>	<b>962.290.068</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.715.335.708	1.753.189.266
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	72.228.654
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	54.900.084	49.008.639
Thuế, phí và lệ phí	450.551.813	526.301.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.944.053	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	596.351.271	701.047.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.922.082.929</b>	<b>3.101.775.361</b>

## 25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Chênh lệch hàng hóa thừa khi kiểm kê	695.796.591	1.376.624.570
Tiền phạt thu được	-	36.703.759
Thuế được giảm	49.028.563	100.486.055
Các khoản khác	145.407.142	9.170.593
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>890.232.296</b>	<b>1.522.984.977</b>

**Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí khác</b>		
Chênh lệch hàng hóa thiếu khi kiểm kê	705.345.880	1.354.777.087
Các khoản bị phạt, lãi chậm nộp thuế, BHXH...	150.570.437	17.633.094
Các khoản khác	82.283.572	11.535.074
	<u>938.199.889</u>	<u>1.383.945.255</u>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẬN</b>	<u>(47.967.593)</u>	<u>139.039.722</u>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.986.609.009	4.281.528.244
Chi phí nhân công	3.786.517.621	4.103.871.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và số 11)	772.051.104	778.811.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.400.505	1.143.021.366
Các chi phí khác	1.516.944.126	982.257.688
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>10.916.522.365</u>	<u>11.289.490.223</u>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<u>93.766.004</u>	<u>204.720.489</u>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ thuế	290.738.594	29.168.168
<b>Tổng lợi nhuận chịu thuế</b>	<u>384.504.598</u>	<u>233.888.657</u>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>76.900.920</u>	<u>46.777.731</u>

**27.2. Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lương và thưởng</b>		
Ban Giám đốc	401.149.650	454.338.401
Hội đồng quản trị, BKS	62.518.500	52.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.668.150</b>	<b>507.138.401</b>

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	16.865.084	157.942.758
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(110.559.931)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>16.865.084</b>	<b>47.382.827</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	1.447.554	1.447.554
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	12	33
Lãi suy giảm	12	33

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh từ 109 VND/cổ phiếu thành 33 VND/cổ phiếu.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể thay đổi theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là mua bán sách, thiết bị trường học và hoạt động in ấn. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm 2023	VND			Tổng cộng
	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động in ấn	Hoạt động khác	
Doanh thu thuần	33.833.064.663	8.920.803.954	144.126.823	42.897.995.440
Giá vốn	30.974.410.274	7.870.722.185		38.845.132.459
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	2.858.654.389	1.050.081.769	144.126.823	4.052.862.981
Doanh thu không phân bổ				1.600.996.058
Chi phí không phân bổ				5.449.138.550
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>				<b>204.720.489</b>
<b>Năm 2024</b>				
Doanh thu thuần	31.673.084.375	8.933.806.561	58.568.182	40.665.459.118
Giá vốn	29.792.392.103	7.606.153.709		37.398.545.812
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	1.880.692.272	1.327.652.852	58.568.182	3.266.913.306
Doanh thu không phân bổ				1.099.111.716
Chi phí không phân bổ				4.272.259.018
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>				<b>93.766.004</b>

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

**Phạm Thị Thanh Huyền**  
Người lập biểu

**Vũ Thị Cảnh**  
Kế toán trưởng



**Lê Ngọc Tuấn**  
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 14 tháng 3 năm 2025